TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2017
V/v Ly hôn giữa chị T và anh G

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 169/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.(Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Lê Minh G, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2017 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Chị T và anh G được hai gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 16/12/2010 (Âm lịch) và đến ngày 08/02/2011 thực hiện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân

xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ nên thường xảy ra cự cãi, bất hòa. Anh G không lo làm ăn mọi việc trong gia đình một mình chị T phải lo toan gánh vác trong khi đó tính tình anh G chi ly, hà khắc trong lời ăn tiếng nói với vợ làm cho chị T cảm thấy ngột ngạt, gò bó. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng 05, 06 năm nay nhưng chị cố gắng chịu đựng để gia đình yên ấm nhưng đến nay nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đã tự ly thân khoảng 03 tháng và nay xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một con chung là Lê Anh K, sinh ngày 09/11/2011 hiện nay đang sống chung với anh G. Khi ly hôn chị T giao con chung cho anh G nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh G và chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T tiếp tục xin ly hôn với anh G, đồng ý giao con chung cho anh G nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Minh G trình bày như sau:

Vợ chồng kết hôn có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị T là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là chị T đi làm bên ngoài thì có tiếng đồn đại không hay anh G có khuyên chị T nghỉ làm về nhà buôn bán như trước và đưa con đi học nhưng chị T không chịu nghỉ, vợ chồng cãi vã dẫn đến bất đồng. Anh G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có thể hàn gắn được và không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung anh G xác định như lời trình bày của chị T là đúng. Tại phiên tòa anh G xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung khi Tòa án cho vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh G xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G đều xác định vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/ 02/ 2011. Nay chị T yêu cầu ly hôn còn anh G không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh G cùng xác định vợ chồng có một con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 09/11/2011. Anh chị thống nhất giao cháu Lê Anh K cho anh G nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi Tòa án cho anh chị ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh G xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài lời trình bày của mình, các đương sự còn thống nhất với các chứng cứ do các đương sự cung cấp trong hồ sơ vụ án như: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Lê Anh K (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản photo công chứng).

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương được biết chị T và anh G cư trú tại ấp R , xã H. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh G không lo làm ăn. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Con chung của anh chị hiện đang sống với anh G được anh G và gia đình chăm lo chu đáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh G; ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh chị giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn với anh G, các đương sự điều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật

tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự nên việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát là đúng với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị T xin ly hôn với anh Giới và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp. Nay chị T xin ly hôn với anh G được áp dụng các quy định pháp luật về ly hôn để giải quyết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống vợ chồng của anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ để tìm tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra những bất đồng làm cho hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay anh chị đã ly thân và chị T xác định không còn tình cảm với chồng nên mục đích của hôn nhân không đạt được.

Anh G cho rằng còn thương vợ, những mâu thuẫn có thể hàn gắn để tiếp tục đời sống vợ chồng. Tuy nhiên anh chị đã từng hàn gắn nhưng hôn nhân vẫn không được cải thiện, đến nay do mâu thuẫn còn trầm trọng hơn vợ chồng đã ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T vẫn bảo lưu ý kiến xin ly hôn. Nhận thấy hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn được nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh.

Xét thấy, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được,

qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh G.

[5] Về con chung: Chị T và anh G cùng xác định vợ chồng có một con chung Lê Anh K, sinh ngày 09/11/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu K cho anh G nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của anh chị vì xét thấy hiện nay chị T chưa có chỗ ăn ở và công việc ổn định không thể đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cho con chung, còn phía anh G có nhà cửa ổn định, việc làm có thu nhập có khả năng đảm bảo cho cháu K có cuộc sống sinh hoạt tốt do đó giao con cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của anh chị.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh G xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006903 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[8] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ T và anh Lê Minh G.

2/ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh G, giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 09/11/2011 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006903 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

6/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày15/8/2017).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H ;*
- *Lưu, HS, VP.*